

NGHE NGƯỜI MÀ NGÃM LẠI TA

Đức Đạt Lai Lạt Ma: TỪ BI LÀ HẠNH PHÚC

(Bài giảng tại Nam California với 9000 thánh giả)

“Thế kỷ này là thế kỷ của đối thoại. Không thể chỉ vì khác biệt nhau mà gây ra bạo động”.

Đức Đạt Lai Lạt Ma đã nói như thế trong buổi nói chuyện trước công chúng chủ đề Từ Bi: Suối nguồn của hạnh phúc, trước khoảng 9.000 người, trong đó có nhiều thánh chúng gốc Việt, tại rạp Gibson Amphitheatre trong khu vực Universal Studio, chiều thứ tư ngày 13-9-2006.

Khi nghe lời thuyết giảng trên, người Việt còn tâm Việt hồn Việt chắc chắn phải nhớ lại và ý thức được rằng với tinh thần khai phóng và dung hóa, cởi mở bao dung Tổ Tiên chúng ta đã đưa tay đón nhận tất cả tư tưởng, tôn giáo ngoại nhập vào dòng sống dân tộc với chủ trương:

Trống làng nào làng ấy đánh,

Thánh làng nào làng ấy thờ.

Mọi tôn giáo tôn trọng lẫn nhau trong sinh hoạt, hội nhập vào dòng dân tộc. Phát huy hài hòa trong tinh thần “Thánh làng nào làng ấy thờ” với chủ trương đối thoại.

Khi có mâu thuẫn, khước từ bạo lực: “Khôn chẳng qua lễ, khỏe chẳng qua lời” để phù hợp với nếp sống tương nhượng quần cư hài hòa trong thôn xóm (hòa cả làng), chấp nhận dị biệt (rằng trong lễ phải có người có ta) với cung cách ứng xử “coi nhau như bát nước đầy là hơn” hoặc “chín bỏ làm mười.”

“Lời nói chẳng mất tiền mua,

Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau”.

Như thế không còn một cung cách ứng xử nào trong đời sống xã hội **còn có thể tốt đẹp hơn được nữa**. Với nếp sống “một bồ cái lý không bằng một tý cái tình” vượt qua được lễ phải trái tức vượt qua đối thoại, thoát ly khỏi một bồ cái lý. Từ tính người và tình người san bằng mâu thuẫn, nghịch lý dị biệt **xóa bỏ biên giới của lòng người** (hòa cả làng) thì cần gì phải đối thoại còn gì hòa bình thánh thiện hơn được nữa.

Đức Đạt lai Lạt Ma lại chỉ ra: Hạnh phúc là có được tâm bình an (Happiness is when you have a calm mind). Từ định nghĩa giản dị này, Ngài chỉ ra là muốn có bình an, hãy nuôi dưỡng tâm TỪ BI. Từ bi không phải của riêng một tôn giáo nào, nhà lãnh đạo Phật giáo Tây Tạng nói.

Người mẹ nào cũng nuôi con bằng tâm từ bi. Mọi cá nhân hãy học từ bi từ người mẹ và gìn giữ từ bi với xã hội, đất nước, nhân loại.

Phải chăng tình thương không thể tìm kiếm trong kinh sách hay qua những buổi thuyết giảng nên Đức Đạt Lai Lạt Ma đã chỉ ra: mọi cá nhân hãy học từ bi từ người mẹ?

Ngài còn chỉ ra từ bi là một trong các điều chủ yếu khiến cuộc đời ta có ý nghĩa. Đó là suối nguồn của mọi thứ hạnh phúc và niềm vui lâu bền.... Chúng ta có thể ném bỏ hết tất cả các thứ khác: tôn giáo, lý tưởng, tất cả các thứ tri thức thọ nhận. Nhưng chúng ta không thể tránh khỏi sự cần thiết của tình thương và tâm từ bi. Trong ý nghĩa đó, không còn cần đến chùa chiền hoặc giáo đường, điện thờ hay tòa thánh, cũng không cần các triết lý, giáo lý hoặc chủ thuyết phức tạp. Tự tâm ta, tự thức ta, chính là đền thờ, chủ thuyết là TỪ BI.

Tình thương đối với tha nhân và tôn kính đối với quyền lợi và phẩm cách của họ, cho dù họ là ai và làm gì: cuối cùng đó là tất cả những gì chúng ta cần. (Dalai Lama – Ethics for the New Millennium) năm 1999, trang 234).

Nghe nhà lãnh đạo Phật giáo Tây Tạng giảng thuyết những lời trên có lẽ người Việt Nam cần suy ngẫm lại đạo lý dân tộc: “Thương người như thể thương thân”.

Câu ca dao chỉ có sáu chữ ngắn gọn mà sâu sắc đầy đủ nội dung, ý nghĩa, bao hàm cả “ta và người” thành một khối toàn vẹn bất khả phân, không thuyết giảng giải thích dông dài, đi thẳng vào lòng người, **làm rung động cả thân và tâm**.

Sở dĩ toàn thân xúc động là vì ca dao tục ngữ là tiếng nói tâm thức dân tộc chuyên chờ/chuyển tải tâm tư tình cảm của con người.

Chính vì thế mà trong “tai trời ách nước” bão Katrina năm 2005, các đoàn thể cứu trợ kể cả đoàn thể tôn giáo không đoàn thể nào dùng giáo lý trong thánh kinh hay trong kinh Phật hoặc Tứ thư Ngũ kinh để kêu gọi lòng TỪ BI bác ái của mọi người mà **phải trở về với tình tự dân tộc**, lấy ca dao tục ngữ mở rộng lòng người:

May thay ở chốn bình yên,

Thấy người hoạn nạn nhớ quên sao đành.

Lá lành đùm lá rách

Một miếng khi đói bằng một gói khi no.

Thấy người hoạn nạn thì thương

Thấy người đói khát thì nhường miếng ăn

Thương người bớt miệng mà cho.

Nhường miếng ăn, bớt miệng mà cho, chứ không phải lấy của dư thừa làm vật ban ơn bố thí. Cho nên người biếu/tặng quà không nghĩ là “cho” là bố thí để được phước báu, người nhận không nghĩ là xin.

Tất cả từ lòng người đến với lòng người, tình người chan chứa làm cho cuộc sống thêm ý nghĩa: **Không còn gì nhân bản hơn.**

Thật ra, với truyền thống “có việc thì đến hết việc thì đi” dùng ca dao tục ngữ trong ý nghĩa “thông tin truyền cảm”, chứ không phải lời cầu cứu, kêu gọi lòng thương tâm trắc ẩn.

Đạo lý dân tộc: “Thương người như thể thương thân” đã ăn sâu trong tim óc, xương tủy người Việt Nam, chỉ cần nghe tin có “tai trời ách nước” thì bản thân cảm nhận được ngay cảnh “màn trời chiếu đất”, buồn, khổ, đói lạnh, v.v...

Điều này đã được báo chí, truyền thông ngoại quốc ghi nhận trong lúc chánh quyền Mỹ còn đang chuẩn bị chương trình, kế hoạch cứu trợ thì người Việt Nam với truyền thống “có việc thì đến hết việc thì đi” tự nguyện lái xe thẳng đến nơi tập trung các nạn nhân hoặc các chợ đón đồng bào về tạm trú ở nhà mình. Không có cách ứng xử nào đầy tính người và tình nghĩa hơn. Việc làm đầy tình nghĩa đồng bào tự nhiên trong tai trời ách nước làm cho người ngoại quốc cảm nhận được đạo lý của người Việt Nam là “thương người như thể thương thân”.

Tình thương là hơi thở của vạn hữu. Tình thương chính là sinh mạng của con người. Không có tình thương thì không có con người đúng ý nghĩa của nó. Cũng không thể quan niệm con người ngoài tình thương.

Tình thương không chấp nhận phân tích, thuyết giảng, lý luận. Đem tình thương ra mổ xẻ phân tích là tách rời tình thương ra khỏi con người.

Một khi đánh rơi tình thương, con người trở thành khuyết tật, nếu không muốn nói chính nó đã tự khai tử.

Lý luận giải thích, thuyết giảng về tình thương, kêu gọi tái thiết con người trên tình thương đặt nó trở lại đúng bản vị đích thực của nó, v.v... Chỉ là mô tả tình thương, mô tả sâu sắc đến đâu đi nữa thì cũng là diễn tả về tình thương, chứ không phải tình thương. Chữ nghĩa, lời nói chỉ mô tả sự thực, chứ không phải là sự thực.

Phải chăng vì thế mà nhà lãnh đạo Phật giáo Tây Tạng chỉ ra “học TỪ BI từ người Mẹ”?

Đối với dân tộc Việt Nam, khi ông Phật, ông Khổng, ông Jésus chưa sinh ra đời và khi ý niệm Nho-Lão-Phật chưa đi vào đời sống người Việt Nam thì tình thương phát sinh từ đâu, nếu không từ người Mẹ. Đó là người đưa chúng ta vào đời.

Khởi đi từ dòng sông: “Cha khôn mẹ khéo” thai nhi được cấy trồng hạt giống tình thương từ lúc thụ thai.

Cảm nhận từ Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đất (thiên nhiên) hòa quyện với thiên chức của người mẹ, tình thương được truyền thẳng từ tâm qua tâm. Hạt giống tình thương được nuôi

dưỡng suốt thời thai giáo trong tính người và tình người. Rồi bé được ấp ủ, trù mến với lòng thương yêu vô bờ bến của người Mẹ.

Lớn lên trong môi trường thuận lợi thích hợp - tương nhượng quần cư hài hòa trong xóm làng, với tinh thần tương trợ, tương thân, tương ái, với cung cách xung hô với tha nhân như người thân trong gia đình, tình thương nảy nở, phát triển hồn nhiên trong sáng.

Từ cuộc sống thực tế, con người chiêm nghiệm được “thương người người lại thương ta”, thấu hiểu sâu sắc sự tương quan giữa người với người và trực nhận ra “ghét người, mình lại hóa ra ghét mình”. Sự hiểu nghiệm trong tính người và tình người đó xây dựng nhân sinh quan không phân biệt mình và người, đạo lý dân tộc “thương người như thể thương thân” được hình thành trong lòng người dân Việt, trở thành bản sắc dân tộc. Tình thương hóa giải mọi mâu thuẫn nghịch lý ở nội tâm, trong gia đình và ngoài xã hội.

“Thương nhau củ ấu cũng tròn”. Ở đâu có tình thương ở đó có chấp nhận dị biệt “rằng trong lẽ phải có người có ta” và khước từ bạo lực (khôn chẳng qua lẽ, khôn chẳng qua lời). Ở đâu có tình thương, ở đó có hài hòa, bình an và hạnh phúc.

Trong nếp sống tương nhượng quần cư hài hòa trong xóm làng Việt Nam, tình thương và trí tuệ là định hướng của dân tộc trong mọi ý nghĩ, lời nói và việc làm.

Trong cung cách ứng xử, khước từ bạo lực (khôn chẳng qua lẽ, khôn chẳng qua lời) tương nhượng (chín bỏ làm mười) và hài hòa (hòa cả làng) và với đạo lý dân tộc “thương người như thể thương thân” văn minh Việt Nam được mệnh danh là văn minh tình thương và lẽ phải (Văn minh tinh thần) Việt Nam, một dân tộc khoan hòa.

Tổ tiên ta đã huyền thoại hóa triết lý sống chan chứa tính người và tình người đặt nền tảng trên tình thương và trí tuệ qua biểu tượng thần tổ kép TIÊN RỒNG.

Thần tổ kép TIÊN RỒNG của dân Việt là biểu tượng thăng hoa theo chiều kích Nhân (tình thương) và Trí (trí tuệ).

Mẹ Tiên Âu Cơ sống trên núi (non Nhân) cha Rồng Lạc Long sống dưới biển (nước Trí).

Biểu tượng mẹ Âu Cơ và cha Rồng Lạc Long chính là biểu hiện rạch ròi của tình thương và trí tuệ để con cái Việt noi theo.

“Học tình thương từ người mẹ”. Phải chăng nói vậy mà không phải vậy? Vấn đề không đơn giản như thế.

Tình thương hồn nhiên trong sáng không thể tìm trong kinh sách, lời thuyết giảng.

Khi người mẹ cấy trồng nuôi dưỡng hạt giống tình thương cho thai nhi thì hạt giống mang tính người và tình người đó đã hoàn toàn là vật sở hữu của thai nhi. Cho nên tất cả – môi trường sống, hoàn cảnh xã hội, gia đình, tha nhân, v.v.... – kể cả người mẹ chỉ là thế giới vật chất bên ngoài, tạo điều kiện thuận lợi tác động vào thế giới tâm linh bên trong để tình thương nảy nở, phát triển hồn nhiên trong sáng.

Chính sự nảy nở và phát triển hạt giống tình thương của hài nhi mới là điều chính yếu. Còn đời sống gương mẫu với lòng hy sinh quên cả bản thân và tình thương bao la của người mẹ chỉ là **yếu tố tác động** nội tâm của hài nhi cũng như trong suốt quá trình trưởng thành. Trong quá trình trưởng thành của con người **mức độ thăng hoa của tình thương** tùy thuộc vào nội tâm con người **còn tất cả yếu tố bên ngoài chỉ là thành tố xúc tác mà thôi**.

Tình thương do kinh sách, lời thuyết giảng v.v... là tình thương ngoài da, nếu không muốn nói **tình thương có tư dục**. Khi gặp nghịch cảnh nó rơi rớt dễ dàng. Chỉ có tình thương phát sinh từ nội tâm mới hồn nhiên trong sáng và vĩnh cửu, hóa giải mọi mâu thuẫn nghịch lý ở nội tâm, trong gia đình, và ngoài xã hội.

Phải chăng vì thiếu vắng tình thương hồn nhiên trong sáng nên bạo lực khủng bố hận thù, chiến tranh xảy ra khắp nơi? “Người ta nói đến tự do nhưng thực chất là giam giữ con người trong nô lệ của ý hệ và tôn giáo. Họ chủ trương hòa bình nhưng thực chất là giành giật nhau từ thể xác đến linh hồn. Họ hô hào tình thương, bác ái nhưng thực chất là hận thù đối nghịch. Họ ca tụng văn minh nhưng thực chất là dã man cuồng loạn (Sư Viên Minh – Thư Thầy Trò, trang 86)”.

Môi trường trường dưỡng tình thương hồn nhiên trong sáng thích hợp và hợp tình hợp lý nhất là nội tâm và gia đình mà người mẹ là then chốt.

Không ai có thể thay thế người mẹ trong vai trò, giáo dục nhân bản tâm linh. Chính người mẹ đã cấy trồng nuôi dưỡng hạt giống tình thương từ khi thụ thai và suốt thời thai giáo. **Không ai hiểu mình bằng chính mẹ mình**. Người mẹ cảm thông cảm nhận được mọi cử động của thai nhi. Rồi ôm ấp, triu mến với lời ru truyền từ tâm qua tâm, tạo điều kiện thuận lợi để hạt giống đầy tính người và tình người nảy nở phát triển thời bé năm nôi, trong quá trình trưởng thành người mẹ nuôi dưỡng tâm lý tình cảm, người cha mở rộng sự hiểu biết cho con cái (Cha khôn mẹ khéo). Nhưng ảnh hưởng của người mẹ trong việc phát triển tình thương chỉ đến một mức độ chừng mực nào đó thôi.

Cho nên cốt lõi của vấn đề không phải học hỏi từ ai, cũng không phải tôn giáo này hay tôn giáo kia hoặc Thiên tông, Mật tông hay Tịnh độ tông... không phải ông thầy này, ông thầy kia... mà **trở về với chính mình, tự biết mình**, tự thực hiện cuộc cách mạng tâm linh để tình thương và an lạc tự thể hiện.

Không ai ngoài mình ra có thể truyền cho mình nguồn sống nội tâm, sự bình an, tình thương đối với tha nhân. Không thể tìm thấy sự hiện hữu của tâm linh mình (tình thương, trí tuệ, vị tha, bao dung...) trong đôi bàn tay rộng mở của người khác.

Cho nên Đức Phật đã dạy: “Tự ta là chỗ nương tựa cho ta, còn ai khác có thể làm nơi nương tựa” “Hãy tự thấp đức lên mà đi”. Ngài khuyên các môn đệ hãy nương tựa nơi chính mình “không bao giờ nên tìm nơi nương tựa hay sự giúp đỡ của bất cứ người nào khác”.

Như vậy là người Việt Nam mà không còn “Hương Việt” (tâm Việt, hồn Việt) mất gốc vong thân không đứng được trên hai chân của chính mình, tức **KHÔNG TỰ BIẾT MÌNH LÀ AI** thì không có nền tảng để phát triển tâm linh chuyển hóa tâm thức được.

Đã đến lúc người Việt cần phải tự ý thức thực hiện cuộc cách mạng tâm linh trên nền tảng của giáo lý tôn giáo mà mình đang theo để trở thành “người thiện lành”

Với tình thương hồn nhiên trong sáng phá bỏ ốc đảo trong lòng dân tộc và trong gia đình, trở về với bản sắc dân tộc. Nói một cách cụ thể trở về với tinh thần khai phóng, cởi mở, bao dung, vị tha trên nền tảng “ghét người mình lại hóa ra ghét mình”, với đạo lý dân tộc “thương người như thể thương thân”, cùng nhau chung sống yên vui trong thanh bình thịnh vượng.

Còn tâm Việt hồn Việt thì còn ý thức được chính tinh thần khai phóng, cởi mở, bao dung vị tha mà ông cha ta đã đưa tay đón nhận tất cả tư tưởng và tôn giáo trong tinh thần “trông làng nào làng ấy đánh, thánh làng nào làng ấy thờ”, với chủ trương khước từ bạo lực, đối thoại khi có mâu thuẫn: “khôn chẳng qua lẽ, khỏe chẳng qua lời”.

Để chuyển hóa mình, tự biết mình là điều hết sức cần thiết. Không biết mình là ai thì sẽ chẳng có một nền tảng nào cho những suy nghĩ đúng đắn phát triển và không biết mình là ai thì sẽ chẳng bao giờ tạo ra được một chuyển hóa nào cả. (J. Krishnamurti – What are you doing with your life- trang 10).

Đức Đạt Lai Lạt Ma đã xác quyết rằng: “tôi mãi mãi là người Tây Tạng”, và Ngài thường phát biểu rằng “Phật giáo Tây Tạng của chúng tôi... Phải chăng với tâm hồn người Tây Tạng và đứng được trên hai chân của chính mình mà tâm linh của nhà lãnh đạo Phật giáo Tây Tạng đã phát triển, thăng hoa đến mức độ ngài được mệnh danh là “Phật sống”?

Ông cha ta đã dạy: Ăn một trái cây ngon ngọt phải nhớ kẻ trồng cây, uống một ngụm nước trong mát phải nhớ đến nguồn nước: “uống nước nhớ nguồn”.

Người Việt thờ cúng tổ tiên cũng phải tự ý thức thực hiện cuộc cách mạng tâm linh, một cuộc cách mạng triệt để trong tâm thức con người, cuộc chuyển hóa thực sự về toàn bộ cơ cấu tâm lý con người, hội nhập hòa mình vào dòng sống sinh động của dân tộc trên tính người và tính người mà ông cha ta đã nhắc gởi qua biểu tượng thần tổ kép TIÊN RỒNG.

Khởi điểm cuộc cách mạng tâm linh là trở về với chính mình, tự biết mình (trăm hay xoay vào lòng vì ngọn đèn được tỏ trước khêu bởi mình) với nếp sống **tĩnh thức**, qua quá trình “học ăn học nói học gói học mở”, trên nền tảng và tư tưởng BIẾN HÓA thăng hoa, hòa đồng, được khai triển từ lý tắc TIÊN RỒNG theo chiều kích tình thương và trí tuệ, với định hướng con người tương thông với thiên nhiên, thăng hoa: hóa cùng vũ trụ.

Với tình thương hồn nhiên trong sáng dưới ánh sáng của trí tuệ, chúng ta sẽ biết làm gì cho mình, cho gia đình, cho dân tộc và nhân loại.

Tình thương hồn nhiên trong sáng, thể hiện chẳng những mình có hạnh phúc mà còn cứu được đất nước và đóng góp phần mình vào công cuộc xây dựng nền văn minh nhân bản trong tương lai.

Muốn cứu người là phải tự cứu mình trước, nghĩa là tự hiểu chính mình.

Là người Việt chúng ta phải nhắc nhở và nuôi dưỡng thông điệp của tổ tiên:

“Trăm nghe không bằng một thấy,

Trăm thấy không bằng một lần trải qua.”

Vĩnh Như

Tủ Sách Việt Thường

www.tusachvietthuong.org